TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐĂK HÀ** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 33/2019/QĐST-HNGĐ	*Đăk Hà, ngày 02 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐĂK HÀ

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81,82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 40/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1985 và anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1976. Cùng trú tại: TDP1, thị trấn Đ H, huyện Đ H, tỉnh K T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn H kết hôn hợp pháp, hai đương sự trình bày chung sống không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau nhiều lần. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, nên thống nhất thỏa thuận yêu cầu Tòa án công nhận vợ chồng thuận tình ly hôn. Xét thấy cần chấp nhận.

[2] Về con chung: Hai đương sự xác nhận vợ chồng có 02 con chung và thỏa thuận như sau: Giao cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 25/02/2005 và cháu Nguyễn Thị L, sinh ngày 15/6/2009 cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Việc thỏa thuận nuôi con là các đương sự tự thỏa thuận với nhau vì vậy xét thấy cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: 300.000 đ (*Ba trăm ngàn đồng*) các đương sự phải chịu, anh H thỏa thuận nhận chịu toàn bộ.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn H thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh, chị xác nhận vợ chồng có 02 con chung và thỏa thuận như sau: Giao cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 25/02/2005 và cháu Nguyễn Thị L, sinh ngày 15/6/2009 cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định. Chị L có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Áp dụng Điều 144, khoản 2 Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự ; Điều 6, Khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 37, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* các đương sự phải chịu. Anh Nguyễn Văn H thỏa thuận nhận chịu toàn bộ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự mà anh H đã nộp theo biên lai số AA/2010/0009539 ngày 15 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ H, tỉnh K T. Anh Nguyễn Văn H đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Phạm Trọng Hàn

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND thị trấn Đăk Hà;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.